

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG**

Tầng 2 và tầng 3, tòa nhà Machinco Building, số 444 Hoàng Hoa Thám, Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 29

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng 2 và tầng 3, tòa nhà Machinco Building, số 444 Hoàng Hoa Thám, Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đỗ Lăng  
Ông Vũ Trọng Quân  
Ông Hồ Xuân Vinh  
Bà Huỳnh Thị Mai Dung  
Ông Nguyễn Duy Khanh

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 08/10/2015)

#### Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đỗ Lăng

Tổng Giám đốc

### TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



Nguyễn Đỗ Lăng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2016

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**

Tầng 4, 168 Đường Láng, phường Thịnh Quang  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Tel: (84-4) 3577 0781/ Fax: (84-4) 3577 0787  
W: www.vaco.com.vn/ E: vacohn@vaco.com.vn

Số. 067 /VACO/BCKT.NV2

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 15 tháng 03 năm 2016, từ trang 03 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "Báo cáo tài chính").

**Trách nhiệm của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Bùi Ngọc Bình**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0657-2015-156-1

**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2016

**Phạm Xuân Sơn**  
Kiểm toán viên  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 1450-2013-156-1

**Văn phòng Hồ Chí Minh**  
Lầu 6, số 159 Điện Biên Phủ, P.15  
Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: (84-8) 3840 6618; Fax: (84-8) 3840 6616

**Văn phòng Hải Phòng**  
499 Quán Toan, P. Quán Toan  
Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng  
Tel: (84-31) 353 4655; Fax: (84-31) 353 4316

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU B 01-CTCK**  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+150)	<b>100</b>		<b>456.155.845.801</b>	<b>420.940.915.090</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>104.885.177.866</b>	<b>73.405.732.692</b>
1. Tiền	111		104.785.177.866	71.905.732.692
2. Các khoản tương đương tiền	112		100.000.000	1.500.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>7</b>	<b>169.477.795.753</b>	<b>147.814.228.651</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		174.646.484.975	148.061.555.490
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(5.168.689.222)	(247.326.839)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>8</b>	<b>179.667.160.001</b>	<b>189.473.119.821</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		454.722.249	1.040.737.246
2. Trả trước cho người bán	132		3.332.251.710	6.315.644.162
3. Các khoản phải thu khác	138		189.954.935.516	196.493.883.505
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	9	(14.074.749.474)	(14.377.145.092)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.125.712.181</b>	<b>10.247.833.926</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		144.434.762	35.706.322
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	1.981.277.419	10.212.127.604
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=220+250+260)	<b>200</b>		<b>21.376.801.814</b>	<b>23.510.862.682</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>6.532.635.558</b>	<b>7.350.532.183</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.543.006.895	1.995.032.393
- Nguyên giá	222		8.677.632.924	8.526.688.724
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.134.626.029)	(6.531.656.331)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	1.370.128.663	1.735.999.790
- Nguyên giá	228		4.008.357.488	3.938.357.488
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.638.228.825)	(2.202.357.698)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	3.619.500.000	3.619.500.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>4.734.910.467</b>	<b>5.309.910.467</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258	7	4.734.910.467	5.309.910.467
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>10.109.255.789</b>	<b>10.850.420.032</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	1.001.822.994	312.861.430
2. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	15	8.720.609.163	7.960.752.490
3. Tài sản dài hạn khác	268		386.823.632	2.576.806.112
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>477.532.647.615</b>	<b>444.451.777.772</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU B 01-CTCK**  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)</b>	<b>300</b>		<b>116.573.966.685</b>	<b>90.048.351.244</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>116.573.966.685</b>	<b>90.048.351.244</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	5.000.000.000	8.000.000.000
2. Phải trả người bán	312		140.579.972	193.496.964
3. Người mua trả tiền trước	313		1.807.290.320	1.143.090.320
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	521.417.357	475.150.553
5. Phải trả nhân viên	315		391.581.740	1.401.562.830
6. Chi phí phải trả	316	18	1.318.075.734	3.700.000.000
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	319	19	47.882.528.087	13.334.168.412
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng	320	20	58.861.726.155	61.127.140.465
9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		541.530.320	673.741.700
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		109.237.000	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>	<b>21</b>	<b>360.958.680.930</b>	<b>354.403.426.528</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>360.958.680.930</b>	<b>354.403.426.528</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		390.000.000.000	390.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.000.000.000	6.000.000.000
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.868.000.000	2.868.000.000
4. Lợi nhuận/ (Lỗ) sau thuế chưa phân phối	420		(37.909.319.070)	(44.464.573.472)
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>	<b>400</b>		<b>477.532.647.615</b>	<b>444.451.777.772</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU B 01-CTCK**  
 Đơn vị: VND

	Mã số	31/12/2015	01/01/2015
<b>6. Chứng khoán lưu ký</b>		<b>1.494.489.250.000</b>	<b>1.372.001.730.000</b>
<b>6.1 Chứng khoán giao dịch</b>	<b>007</b>	<b>1.468.419.270.000</b>	<b>1.332.093.710.000</b>
- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	16.207.850.000	8.865.130.000
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	1.451.815.420.000	1.322.805.700.000
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	396.000.000	422.880.000
<b>6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch</b>	<b>012</b>	<b>1.069.730.000</b>	<b>8.889.010.000</b>
- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013	-	5.000.000.000
- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	1.069.730.000	3.889.010.000
<b>6.3 Chứng khoán chờ thanh toán</b>	<b>027</b>	<b>22.991.210.000</b>	<b>29.867.260.000</b>
- Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	-	220.000.000
- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	22.991.210.000	29.567.260.000
- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030	-	80.000.000
<b>6.4 Chứng khoán chờ giao dịch</b>	<b>037</b>	<b>2.009.040.000</b>	<b>1.151.750.000</b>
- Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	-	50.000
- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	2.009.040.000	1.151.700.000
<b>7. Chứng khoán lưu ký Công ty đại chúng chưa niêm yết</b>		<b>321.764.280.000</b>	<b>204.614.740.000</b>
<b>7.1 Chứng khoán giao dịch</b>	<b>051</b>	<b>321.764.280.000</b>	<b>204.614.740.000</b>
- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	105.431.080.000	64.235.950.000
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	216.333.200.000	140.378.790.000
<b>7.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch</b>	<b>056</b>	<b>1.475.000.000</b>	-
- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng	058	1.475.000.000	-
<b>7.3 Chứng khoán chờ thanh toán</b>	<b>071</b>	<b>1.862.000.000</b>	-
- Chứng khoán chờ thanh toán của khách	073	1.862.000.000	-



**Nguyễn Đỗ Lăng**  
 Tổng Giám đốc  
 Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2016

**Nguyễn Thị Thanh**  
 Kế toán trưởng

**Lê Thị Hồng Hạnh**  
 Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU B 02-CTCK**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
<b>1. Doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>22</b>	<b>43.768.633.236</b>	<b>45.520.165.337</b>
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		11.580.401.308	17.178.570.458
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		11.181.451.245	7.060.703.190
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		6.443.390.437	4.232.727.271
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		870.322.416	848.182.445
Doanh thu khác	01.9		13.693.067.830	16.199.981.973
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>		<b>21.452.211</b>	<b>-</b>
<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>43.747.181.025</b>	<b>45.520.165.337</b>
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	23	26.093.184.931	21.715.447.532
<b>5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>17.653.996.094</b>	<b>23.804.717.805</b>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	24	11.121.637.485	7.455.068.637
<b>7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)</b>	<b>30</b>		<b>6.532.358.609</b>	<b>16.349.649.168</b>
8. Thu nhập khác	31		30.498.237	3.175.059.878
9. Chi phí khác	32		7.602.444	1.434.007.699
<b>10. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>22.895.793</b>	<b>1.741.052.179</b>
<b>11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>6.555.254.402</b>	<b>18.090.701.347</b>
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	-	-
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>14. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>6.555.254.402</b>	<b>18.090.701.347</b>
15. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	26	168	464



**Nguyễn Đỗ Lăng**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2016

*(Handwritten signature)*

**Nguyễn Thị Thanh**  
**Kế toán trưởng**

*(Handwritten signature)*

**Lê Thị Hồng Hạnh**  
**Người lập biểu**



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU B 03-CTCK**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm	
		2015	2014
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	6.555.254.402	18.090.701.347
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	2	1.038.840.825	1.149.048.070
Các khoản dự phòng	3	4.618.966.765	128.475.964
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(3.477.484.784)	(5.981.630.673)
Chi phí lãi vay	6	828.364.185	1.233.401.271
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	9.563.941.393	14.619.995.979
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9	17.579.348.950	(14.460.259.612)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	29.525.615.441	14.980.269.961
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(797.690.004)	(329.764.244)
Tiền lãi vay đã trả	13	(828.364.185)	(1.856.803.156)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2.189.982.480	276.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(52.682.393.482)	(11.912.863.858)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>4.550.440.593</b>	<b>1.316.575.070</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(220.944.200)	(1.106.000.000)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(203.578.376.847)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	26.097.463.997	201.120.833.333
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(1.275.300.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	575.000.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.477.484.784	6.005.352.895
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>29.929.004.581</b>	<b>1.166.509.381</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	5.000.000.000	28.000.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(8.000.000.000)	(21.500.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(3.000.000.000)</b>	<b>6.500.000.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>31.479.445.174</b>	<b>8.983.084.451</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	73.405.732.692	64.422.648.241
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	104.885.177.866	73.405.732.692



Nguyễn Đỗ Lăng  
 Tổng Giám đốc  
 Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2016

Nguyễn Thị Thanh  
 Kế toán trưởng

Lê Thị Hồng Hạnh  
 Người lập biểu

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU B 05-CTCK**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/ giảm		Số dư cuối năm			
		Năm trước	Kỳ này	Năm trước	Giảm	Năm trước	Kỳ này		
								Tăng	Giảm
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	21	390.000.000.000	390.000.000.000	-	-	-	-	390.000.000.000	390.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	21	6.000.000.000	6.000.000.000	-	-	-	-	6.000.000.000	6.000.000.000
3. Quỹ dự phòng tài chính	21	2.868.000.000	2.868.000.000	-	-	-	-	2.868.000.000	2.868.000.000
4. Lợi nhuận/ (Lỗ) chưa phân phối	21	(62.555.274.819)	(44.464.573.472)	18.090.701.347	-	6.555.254.402	-	(44.464.573.472)	(37.909.319.070)

Chi tiết tăng/giảm trong năm của các chỉ tiêu vốn chủ sở hữu xem tại Thuyết minh số 21.



Nguyễn Đỗ Lăng  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2016

Nguyễn Thị Thanh  
Kế toán trưởng

Lê Thị Hồng Hạnh  
Người lập biểu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương (“Công ty”) được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015146 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/12/2006 với vốn điều lệ của Công ty là 60.000.000.000 đồng; Giấy phép thành lập và hoạt động số 37/UBCK-GPHĐKD ngày 26/12/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Chứng khoán số 07/GPĐC-UBCK ngày 23/01/2015.

Theo Giấy phép điều chỉnh số 338/UBCK-GP ngày 07/07/2010 đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, vốn điều lệ của Công ty là 390.000.000.000 đồng.

Công ty là thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và là thành viên lưu ký của Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 2 và tầng 3, tòa nhà Machinco Building, số 444, đường Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2015 là 56 người (tại ngày 31/12/2014 là 56 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản mục tiền gửi của các nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán được tách bạch riêng và là một trong các tài khoản tiền gửi ngân hàng do Công ty đứng tên tại các ngân hàng thương mại.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Hình thức kế toán**

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Các bên liên quan**

- Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương: Một số cổ đông của Công ty này đồng thời là cổ đông của Công ty.
- Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

**Hướng dẫn kế toán mới nhưng chưa áp dụng**

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2016. Thông tư này thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 về việc hướng dẫn, sửa đổi Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008. Tổng Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

**Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính năm 2015.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty sử dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và tài sản tài chính khác.

*Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần được trình bày trên bảng cân đối kế toán khi Công ty có quyền hợp pháp thực hiện bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả đồng thời.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Tiền ký quỹ của nhà đầu tư**

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán. Khoản tiền này đang được theo dõi riêng trong tài khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty.

**Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán**

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

**Đầu tư tài chính và dự phòng giảm giá đầu tư tài chính**

***Đầu tư chứng khoán***

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn là chứng khoán thương mại, bao gồm cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết. Đầu tư chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Việc phân loại khoản đầu tư chứng khoán là đầu tư ngắn hạn hay dài hạn phụ thuộc vào quyết định của Tổng Giám đốc. Theo đó, các khoản đầu tư được coi là ngắn hạn khi Công ty dự định sẽ đầu tư với thời hạn dưới 12 tháng.

Giá gốc của các khoản đầu tư chứng khoán xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá cho các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được thực hiện theo những hướng dẫn trong Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ.

Đối với chứng khoán niêm yết, chứng khoán đăng ký giao dịch giá chứng khoán để trích lập dự phòng là giá chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán của ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập, cụ thể:

- Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại UPCOM), giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

Công ty không thực hiện trích lập dự phòng đối với các Công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng vì không thu thập đủ tối thiểu báo giá bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Dự phòng giảm giá các khoản chứng khoán ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Đầu tư tài chính dài hạn khác**

Đầu tư tài chính dài hạn khác là các khoản đầu tư mua cổ phần<sup>\*</sup> với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty cổ phần, các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn khi vốn góp thực tế của Công ty tại các Công ty nhận đầu tư lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ trích lập dựa trên tỷ lệ giữa số vốn đầu tư của Công ty và tổng số vốn góp thực tế của các bên vào đơn vị nhận đầu tư.

**Các hợp đồng bán lại**

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán. Phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại không được ghi nhận là doanh thu theo nguyên tắc thận trọng trừ khi Công ty có khả năng nhận được phần chênh lệch này một cách chắc chắn.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu cùng dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu**

Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà Công ty phải trả hệ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

**Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán**

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư, phải trả Trung tâm Lưu ký chứng khoán về tiền mua chứng khoán của khách hàng và phải trả cho khách hàng tiền bán chứng khoán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể hàng năm như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Máy móc thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị văn phòng	03 - 06

**Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là giá trị của các chương trình phần mềm phục vụ hoạt động kinh doanh, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 năm đến 10 năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí thuê văn phòng, công cụ dụng cụ có giá trị lớn, thời gian sử dụng dài, được phân bổ từ 2 năm đến 3 năm.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuê tài sản**

Các khoản thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong thời gian của hợp đồng thuê.

**Nguồn vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn góp thực tế của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty sẽ được phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

**Doanh thu**

- **Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán**  
Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.
- **Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn**  
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và khoản thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu, thu từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết (lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do Công ty nắm giữ, lãi đầu tư trái phiếu và lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích).
- **Doanh thu hoạt động tư vấn**  
Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.
- **Doanh thu lưu ký**  
Là khoản phí lưu ký chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ hoạt động lưu ký kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.
- **Doanh thu khác**  
Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư tài chính, doanh thu từ các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán và doanh thu khác. Các khoản này được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích. Lãi thu được từ các hợp đồng mua bán chứng khoán có kỳ hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi thực thu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Tại ngày 31/12/2015, Công ty còn khoản lỗ của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 là 72.662.844.677 đồng có thể sử dụng để chuyển lỗ vào các năm tiếp theo, nhưng không quá 5 năm kể từ năm phát sinh lỗ. Tuy nhiên, Công ty không ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ khoản chuyển lỗ này do Công ty không chắc chắn về kế hoạch lợi nhuận trong tương lai.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	38.718.108	31.861.240
Tiền gửi ngân hàng	41.552.089.398	30.631.089.383
<i>Trong đó: tiền của NĐT (gồm đầu giá)</i>	39.442.223.525	20.136.823.393
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	63.194.370.360	41.242.782.069
<i>Trong đó: tiền của NĐT (gồm đầu giá)</i>	62.965.341.800	40.759.879.515
Các khoản tương đương tiền (i)	100.000.000	1.500.000.000
	<b>104.885.177.866</b>	<b>73.405.732.692</b>

Ghi chú: (i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các tổ chức tín dụng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**6. GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH TRONG NĂM**

	<b>Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm</b>	<b>Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
a) Của Công ty chứng khoán	<b>16.207.587</b>	<b>887.673.897.070</b>
- Cổ phiếu	16.207.587	887.673.897.070
b) Của nhà đầu tư	<b>467.889.084</b>	<b>555.475.726.870</b>
- Cổ phiếu	467.889.084	555.475.726.870
	<b>484.096.671</b>	<b>1.443.149.623.940</b>

6 - C  
TY  
HỮU H  
ÁN  
O  
P. H

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÁU Á THÁI BÌNH DƯƠNG**

Tầng 2 và tầng 3, tòa nhà Machinco Building, số 444 Hoàng Hoa Thám, Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**Mẫu B 09-CTCK**

**7. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**7.1. Tình hình đầu tư tài chính**

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Số lượng (cổ phiếu)		Giá trị theo số kế toán		So với giá trị tăng			So với giá trị theo giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường			
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Tăng	Giảm		Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm		
						Cuối năm	Đầu năm						
<b>I. Đầu tư ngắn hạn</b>													
<b>Chứng khoán thương mại</b>													
- Cổ phiếu	12.163.893	7.810.108	174.646.484.975	117.848.793.747	494.570.549	2.114.824.429	5.168.689.222	247.326.839	169.972.366.302	149.929.053.080			
Cổ phiếu niêm yết	1.620.785	1.386.513	19.356.201.409	16.328.641.809	333.617.749	1.909.824.429	2.988.348.158	240.874.478	16.701.471.000	17.997.591.760			
Cổ phiếu chưa niêm yết (1)	10.543.108	6.423.595	155.290.283.566	101.520.151.938	160.952.800	205.000.000	2.180.341.064	6.452.361	153.270.895.302	101.718.699.577			
Đầu tư ngắn hạn khác	-	-	-	30.212.761.743	-	-	-	-	-	30.212.761.743			
<b>II. Đầu tư góp vốn</b>													
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>													
Đầu tư vào Trường Đại học Đông Nam Á	-	-	4.734.910.467	5.309.910.467	-	-	-	-	4.734.910.467	5.309.910.467			
Hợp tác đầu tư với Công ty CP Đầu tư CIC (2)	-	-	2.609.610.800	2.609.610.800	-	-	-	-	2.609.610.800	2.609.610.800			
Hợp tác đầu tư với Công ty TNHH Thương mại Viva (3)	-	-	2.125.299.667	2.125.299.667	-	-	-	-	2.125.299.667	2.125.299.667			

**Ghi chú:**

- (1) Bao gồm cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng; cổ phiếu upcom, cổ phiếu của các Công ty hủy niêm yết. Công ty không trích lập dự phòng cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng do không có căn cứ để xác định giá thị trường của các cổ phiếu này.
- (2) Góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty CP Đầu tư CIC theo hợp đồng hợp tác đầu tư ký hai bên vào tháng 06 năm 2011. Tại 31/12/2015, Công ty chưa thực hiện đánh giá việc trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư trên do chưa có báo cáo tài chính của Công ty CP Đầu tư CIC năm 2015. Theo đánh giá của Tổng Giám đốc, số dự phòng cần trích lập (nếu có) không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty.
- (3) Góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty CP Phát triển Thương mại Viva Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**7. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**7.2. Dự phòng giảm giá đầu tư**

*Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn*

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giảm so với giá thị trường</i>
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>	<b>1.620.785</b>	<b>19.356.201.409</b>	<b>2.988.348.158</b>
HAG	150.006	2.688.285.960	1.128.223.560
CSM	54.692	1.910.023.920	559.131.520
SSI	98.030	2.481.626.000	305.360.000
TDC	81.000	750.800.000	183.800.000
Khác	1.237.057	11.525.465.529	811.833.078
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>	<b>10.543.108</b>	<b>155.290.283.566</b>	<b>2.180.341.064</b>
MSR	400.000	5.800.000.000	1.080.000.000
SFT	95.500	1.564.606.500	867.456.500
NDC	50.000	1.523.000.000	173.000.000
Công ty CP Đầu tư BĐS Hà Nội	142.800	5.200.000.000	-
Công ty CP Liên Minh	1.300.000	23.400.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Phát triển Địa ốc Sài Gòn Xanh	451.500	14.304.250.000	-
Công ty CP Thép Đình Vũ	163.400	5.625.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Điện Lực Hà Nội	1.234.510	12.345.100.000	-
Công ty CP Đầu tư xây lắp dầu khí Việt Nam	400.000	4.800.000.000	-
Công ty CP Cotec	1.174.700	14.671.100.000	-
Công ty CP Đường Sắt Phía Nam	100.000	1.000.000.000	-
Công ty CP Tiên Sơn Thanh Hóa	200.000	2.000.000.000	-
Công ty CP đầu tư Anpha	676.200	20.286.000.000	-
Công ty Cổ phần Dream Works Việt Nam	500.000	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng quả cam tím	1.400.000	14.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư DPA	1.450.000	14.500.000.000	-
Khác	804.498	9.271.079.566	59.884.564
<b>Tổng cộng</b>		<b>174.646.484.975</b>	<b>5.168.689.222</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

Chi tiêu	Đầu năm			Số phát sinh trong năm			Cuối năm			Số dự phòng
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi		
									1	
<b>A</b>										<b>9</b>
1. Phải thu của khách hàng	1.040.737.246	287.729.746	287.729.746	360.396.124.715	(360.982.139.712)	454.722.249	264.722.246	264.722.246		264.722.246
2. Trả trước cho người bán	6.315.644.162	2.880.392.064	2.880.392.064	418.982.532.532	(421.965.924.984)	3.332.251.710	2.921.751.585	2.921.751.585		2.921.751.585
3. Phải thu khác	196.493.883.505	11.032.340.170	11.032.340.170	1.828.843.250.037	(1.835.382.198.026)	189.954.935.516	10.888.275.643	10.888.275.643		10.888.275.643
Phải thu các hợp đồng bán lại chứng khoán (i)	6.600.000.000	-	-	-	-	6.600.000.000	-	-		-
Phải thu hoạt động giao dịch mua kỳ quỹ chứng khoán	141.524.502.721	5.994.253.692	5.994.253.692	1.596.505.710.922	(1.574.199.964.580)	163.830.249.063	6.155.502.923	6.155.502.923		6.155.502.923
Phải thu ứng trước tiền bán	12.499.831.080	-	-	55.287.115.839	(57.343.122.373)	10.443.824.546	-	-		-
Lãi dự thu hoạt động giao dịch mua kỳ quỹ chứng khoán	12.668.418.840	-	-	171.385.735.345	(183.165.833.720)	888.320.465	-	-		-
Lãi dự thu từ khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	15.314.990.735	-	-	-	(14.158.009.000)	1.156.981.735	-	-		-
Phải thu khác	7.886.140.129	5.038.086.478	5.038.086.478	5.664.687.931	(6.515.268.353)	7.035.559.707	4.732.772.720	4.732.772.720		4.732.772.720
4. Tam ứng	10.211.127.604	176.683.112	176.683.112	40.481.312.367	(48.712.162.552)	1.980.277.419	-	-		-
<b>Tổng cộng</b>	<b>214.061.392.517</b>	<b>14.377.145.092</b>	<b>14.377.145.092</b>	<b>2.648.703.219.651</b>	<b>(2.667.042.425.274)</b>	<b>195.722.186.894</b>	<b>14.074.749.474</b>	<b>14.074.749.474</b>		<b>14.074.749.474</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

Ghi chú:

- (i) Phải thu liên quan đến các hợp đồng bán lại chứng khoán của Công ty Cổ phần Liên Minh với giá trung bình 11.000 đồng/cổ phần. Cổ phiếu của Công ty này chưa niêm yết. Tại ngày 31/12/2015, Công ty không trích lập dự phòng cho các khoản phải thu này do không có căn cứ để xác định giá thị trường của các cổ phiếu.

**9. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Số dư đầu năm	(14.377.145.092)	(13.405.791.791)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	813.967.172	1.380.351.886
Số trích lập trong năm	(511.571.554)	(2.351.705.187)
Số dư cuối năm	<u>(14.074.749.474)</u>	<u>(14.377.145.092)</u>

**10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tạm ứng	1.980.277.419	10.211.127.604
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.000.000	1.000.000
	<u>1.981.277.419</u>	<u>10.212.127.604</u>

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2015	244.944.652	1.439.889.000	6.841.855.072	8.526.688.724
Mua sắm mới	-	-	150.944.200	150.944.200
Tại ngày 31/12/2015	<u>244.944.652</u>	<u>1.439.889.000</u>	<u>6.992.799.272</u>	<u>8.677.632.924</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2015	161.367.615	572.882.233	5.797.406.483	6.531.656.331
Khấu hao trong năm	44.431.466	143.650.458	414.887.774	602.969.698
Tại ngày 31/12/2015	<u>205.799.081</u>	<u>716.532.691</u>	<u>6.212.294.257</u>	<u>7.134.626.029</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2015	83.577.037	867.006.767	1.044.448.589	1.995.032.393
Tại ngày 31/12/2015	<u>39.145.571</u>	<u>723.356.309</u>	<u>780.505.015</u>	<u>1.543.006.895</u>

Nguyên giá các tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 3.967.423.221 đồng (tại ngày 31/12/2014 là 3.709.321.832 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2015	3.772.407.200	165.950.288	3.938.357.488
Mua sắm mới	70.000.000	-	70.000.000
Tại ngày 31/12/2015	<u>3.842.407.200</u>	<u>165.950.288</u>	<u>4.008.357.488</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2015	2.036.407.410	165.950.288	2.202.357.698
Khấu hao trong năm	435.871.127	-	435.871.127
Tại ngày 31/12/2015	<u>2.472.278.537</u>	<u>165.950.288</u>	<u>2.638.228.825</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2015	1.735.999.790	-	1.735.999.790
Tại ngày 31/12/2015	<u>1.370.128.663</u>	<u>-</u>	<u>1.370.128.663</u>

Nguyên giá các tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 621.380.788 đồng (tại ngày 31/12/2014 là 524.820.424 đồng).

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Đầu tư dự án tại Khu đô thị mới An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội (i)	3.619.500.000	3.619.500.000
	<u>3.619.500.000</u>	<u>3.619.500.000</u>

Ghi chú: (i) Là giá trị đầu tư vào lô đất số 6 tại dự án TT14 Khu đô thị mới An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội.

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Số dư đầu năm	312.861.430	-
Tăng trong năm	1.183.797.508	372.214.065
Phân bổ vào chi phí trong năm	(494.835.944)	(59.352.635)
Số dư cuối năm	<u>1.001.822.994</u>	<u>312.861.430</u>

**15. TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền nộp ban đầu	494.938.176	494.938.176
Tiền nộp bổ sung	7.738.975.087	7.033.611.491
Lãi phân bổ trong năm	486.695.900	432.202.823
Số dư cuối năm	<u>8.720.609.163</u>	<u>7.960.752.490</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đầu tư và Thương mại Việt	-	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương	5.000.000.000	5.000.000.000
	<b>5.000.000.000</b>	<b>8.000.000.000</b>

Khoản vay ngắn hạn cuối năm là khoản vay Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương với lãi suất 5,3%/năm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay 5 ngày kể từ ngày vay. Các khoản vay trên không có tài sản đảm bảo. Công ty đã trả các khoản vay trên vào ngày 05/01/2015.

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	20.624.415	60.315.458
Thuế thu nhập cá nhân	500.792.942	414.835.095
	<b>521.417.357</b>	<b>475.150.553</b>

Thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân là số chưa được cơ quan thuế quyết toán.

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Chi phí phải trả bà Lê Thị Thùy	300.000.000	2.900.000.000
Chi phí tiền lương dự phòng	750.000.000	150.000.000
Chi phí phải trả khác	268.075.734	650.000.000
	<b>1.318.075.734</b>	<b>3.700.000.000</b>

**19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải trả tiền đặt cọc đầu giá	43.818.620.000	10.539.435.629
Phải trả phải nộp khác	4.063.908.087	2.794.732.783
	<b>47.882.528.087</b>	<b>13.334.168.412</b>

**20. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải trả Sờ (Trung tâm) Giao dịch chứng khoán	188.542.910	157.128.376
Phải trả trung tâm lưu ký chứng khoán	84.237.920	73.309.181
Phải trả tiền ký quỹ của nhà đầu tư	58.588.945.325	60.896.702.908
	<b>58.861.726.155</b>	<b>61.127.140.465</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận/ (Lỗ) chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2014	390.000.000.000	6.000.000.000	2.868.000.000	(62.555.274.819)
Lãi trong năm	-	-	-	18.090.701.347
Số dư tại 01/01/2015	390.000.000.000	6.000.000.000	2.868.000.000	(44.464.573.472)
Lãi trong năm	-	-	-	6.555.254.402
Số dư tại 31/12/2015	<u>390.000.000.000</u>	<u>6.000.000.000</u>	<u>2.868.000.000</u>	<u>(37.909.319.070)</u>

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty tại 31/12/2015:

Cổ phiếu phổ thông của công đồng sáng lập:	
+ Số cổ phiếu được phép phát hành	39.000.000 cổ phiếu
+ Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	39.000.000 cổ phiếu
+ Mệnh giá của cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phiếu
+ Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	39.000.000 cổ phiếu

**22. DOANH THU**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	11.580.401.308	17.178.570.458
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	11.181.451.245	7.060.703.190
Doanh thu hoạt động tư vấn	6.443.390.437	4.232.727.271
Doanh thu lưu ký chứng khoán	870.322.416	848.182.445
Doanh thu khác	13.693.067.830	16.199.981.973
Doanh thu ứng trước tiền bán	3.514.956.169	4.338.616.120
Doanh thu hoạt động giao dịch mua ký quỹ chứng khoán	7.234.020.513	8.176.208.473
Doanh thu lãi tiền gửi, lãi đầu tư ngắn hạn	2.841.287.617	3.685.057.380
Doanh thu khác	102.803.531	100.000
	<u>43.768.633.236</u>	<u>45.520.165.337</u>

**23. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí môi giới	5.834.875.632	6.442.186.500
Chi phí đầu tư chứng khoán góp vốn	6.947.442.970	1.861.353.036
Trích lập/ (Hoàn nhập) dự phòng	5.082.611.614	(842.877.337)
Chi phí lưu ký	946.541.261	734.822.146
Chi phí hoạt động tư vấn	349.285.750	137.100.000
Chi phí lãi vay	828.364.185	1.233.401.271
Chi phí hoạt động kinh doanh khác	6.104.063.519	12.149.461.916
	<u>26.093.184.931</u>	<u>21.715.447.532</u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nhân viên	8.347.843.576	6.199.781.738
Chi phí vật liệu quản lý	65.529.341	114.162.250
Chi phí công cụ, đồ dùng	444.840.597	78.669.855
Chi phí khấu hao TSCĐ	602.969.698	722.570.447
Thuế, phí và lệ phí	7.200.000	5.200.000
Chi phí dự phòng	(463.644.849)	(1.048.039.390)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	343.797.256	689.435.209
Chi phí khác bằng tiền	1.773.101.866	693.288.528
	<b>11.121.637.485</b>	<b>7.455.068.637</b>

**25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	6.555.254.402	18.090.701.347
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế (cổ tức được chia)	(636.197.167)	(2.780.905.906)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	447.424.529
Chuyển lỗ của năm trước	(5.919.057.235)	(15.757.219.970)
Thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế suất	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-

**Kế hoạch chuyển lỗ**

Khoản lỗ tính thuế này chưa được cơ quan thuế quyết toán. Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào cho khoản lỗ tính thuế này do không chắc chắn về thời điểm thu được lợi nhuận trong tương lai.

Năm phát sinh lỗ	Thời gian được chuyển lỗ	Số lỗ phát sinh (VND)	Số lỗ đã chuyển (VND)	Số lỗ còn được chuyển (VND)
2011	2012 - 2016	94.339.121.882	21.676.277.205	72.662.844.677
<b>Cộng</b>		<b>94.339.121.882</b>	<b>21.676.277.205</b>	<b>72.662.844.677</b>

**26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.555.254.402	18.090.701.347
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	39.000.000	39.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	168	464
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

Công ty đang có lỗ lũy kế nên chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng phúc lợi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**27. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty đã thực hiện theo dõi doanh thu và chi phí theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh chính. Tuy nhiên, các khoản chi phí khác trong năm không tách riêng được, do đó Công ty không trình bày thông tin báo cáo theo bộ phận và cho rằng việc không trình bày nội dung này không ảnh hưởng trọng yếu tới việc trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

**28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch và số dư chủ yếu sau với các bên liên quan.

*Giao dịch bên liên quan:*

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Trả tiền đặt cọc thuê nhà</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương	238.000.000	-
<b>Nhận vay</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương	5.000.000.000	5.000.000.000
<b>Trả Vay</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương	5.000.000.000	-

*Số dư bên liên quan:*

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>Khoản phải trả khác</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương	175.000.000	-
<b>Khoản nhận ký cược, ký quỹ</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương	-	238.000.000
<b>Vay và nợ ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương	5.000.000.000	5.000.000.000

**Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thu nhập HĐQT và Tổng Giám đốc	1.809.320.000	1.156.500.000

**29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Thuê hoạt động là các khoản thuê văn phòng làm việc của Công ty. Chi phí thuê hoạt động đã ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm như sau:

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí thuê hoạt động	1.823.879.030	4.155.991.220

Tại ngày 31/12/2015, Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Trong vòng 1 năm tới	1.879.499.136	332.415.051
Từ năm thứ hai đến năm thứ tư	3.758.998.272	75.583.562
	<b>5.638.497.408</b>	<b>407.998.613</b>

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 16 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các khoản vay	5.000.000.000	8.000.000.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	104.885.177.866	73.405.732.692
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	360.958.680.930	354.403.426.528
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>0%</b>	<b>0%</b>

Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm tiền mặt, tiền gửi ở các tổ chức tín dụng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính ngắn và dài hạn khác. Công nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Các chính sách kế toán chủ yếu (Tiếp theo)**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	104.885.177.866	-	73.405.732.692	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	190.409.657.765	(11.152.997.889)	197.534.620.751	(11.320.069.916)
Các khoản cho vay	-	-	30.212.761.743	-
Đầu tư ngắn hạn	174.646.484.975	(5.168.689.222)	148.061.555.490	(247.326.839)
Đầu tư dài hạn	4.734.910.467	-	5.309.910.467	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>474.676.231.073</b>	<b>(16.321.687.111)</b>	<b>454.524.581.143</b>	<b>(11.567.396.755)</b>
			<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
			<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ			5.000.000.000	8.000.000.000
Phải trả người bán			140.579.972	193.496.964
Chi phí phải trả			1.318.075.734	3.700.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác			47.882.528.087	13.334.168.412
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán			58.861.726.155	61.127.140.465
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu			541.530.320	673.741.700
<b>Tổng cộng</b>			<b>113.744.440.268</b>	<b>87.028.547.541</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư 210/2009/TT-BTC (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

*Rủi ro thị trường*

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro thị trường, bao gồm rủi ro lãi suất, các rủi ro về giá như cổ phiếu.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết mà Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động về giá cổ phiếu trên thị trường cũng như tính không chắc chắn về giá trị cổ phiếu trong tương lai. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thường xuyên phân tích diễn biến của thị trường và cổ phiếu của doanh nghiệp Công ty đầu tư, đưa ra hạn mức đầu tư hợp lý. Mặt khác, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

*Rủi ro về giá hàng hóa*

Các nghiệp vụ mua hàng hóa của Công ty phát sinh không đáng kể do đó Công ty không có rủi ro về giá hàng hóa.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Công ty bị tổn thất về tài chính. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu và từ hoạt động tài chính như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

*Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

***Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)***

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	104.885.177.866	-	104.885.177.866
Phải thu khách hàng, phải thu khác	179.256.659.876	-	179.256.659.876
Các khoản cho vay	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	169.477.795.753	-	169.477.795.753
Đầu tư dài hạn	-	4.734.910.467	4.734.910.467
<b>Tổng cộng</b>	<b>453.619.633.495</b>	<b>4.734.910.467</b>	<b>458.354.543.962</b>
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>			
Vay và nợ	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Phải trả người bán	140.579.972	-	140.579.972
Chi phí phải trả	1.318.075.734	-	1.318.075.734
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	47.882.528.087	-	47.882.528.087
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	58.861.726.155	-	58.861.726.155
Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	541.530.320	-	541.530.320
<b>Tổng cộng</b>	<b>113.744.440.268</b>	<b>-</b>	<b>113.744.440.268</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>339.875.193.227</b>	<b>4.734.910.467</b>	<b>344.610.103.694</b>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	73.405.732.692	-	73.405.732.692
Phải thu khách hàng, phải thu khác	186.214.550.835	-	186.214.550.835
Các khoản cho vay	30.212.761.743	-	30.212.761.743
Đầu tư ngắn hạn	147.814.228.651	-	147.814.228.651
Đầu tư dài hạn	-	5.309.910.467	5.309.910.467
<b>Tổng cộng</b>	<b>437.647.273.921</b>	<b>5.309.910.467</b>	<b>442.957.184.388</b>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>			
Vay và nợ	8.000.000.000	-	8.000.000.000
Phải trả người bán	193.496.964	-	193.496.964
Chi phí phải trả	3.700.000.000	-	3.700.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	13.334.168.412	-	13.334.168.412
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	61.127.140.465	-	61.127.140.465
Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	673.741.700	-	673.741.700
<b>Tổng cộng</b>	<b>87.028.547.541</b>	<b>-</b>	<b>87.028.547.541</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>350.618.726.380</b>	<b>5.309.910.467</b>	<b>355.928.636.847</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

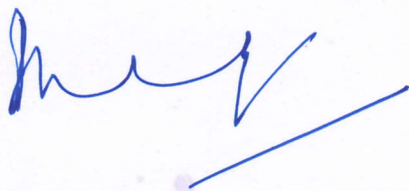
*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**31. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán.



Nguyễn Đỗ Lăng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2016



Nguyễn Thị Thanh

Kế toán trưởng



Lê Thị Hồng Hạnh

Người lập biểu